

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2022/HNGĐ – ST**

Ngày: 15/3/2022

"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Thận;

2/ Ông Trần Đức Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 412/2021/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị B, sinh năm: 1988

HKTT: Thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Phan Văn N, sinh năm: 1990

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2012. Tuy nhiên, đến năm 2013 chị và anh Phan Văn N có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy đăng ký kết hôn số 85, ký ngày 09/12/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường. Đến năm 2016 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Nguyên nhân dẫn đến những việc này là do anh Phan Văn N thường say xỉn, khi về nhà kiểm chuyện mắng chửi, đánh đập chị nhiều lần và nhiều lần đuổi tôi ra khỏi nhà. Chị đã nhiều lần bỏ qua để xây dựng hôn nhân hạnh phúc, tiến bộ nhưng anh Phan Văn N vẫn không thay đổi. Đến năm 2021 do không thể chịu đựng được và lo sợ cho sức khỏe, tính mạng của mình nên chị đã về nhà bố mẹ sinh sống cho đến nay. Nhận thấy, vợ chồng không thể đoàn tụ nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh Phan Văn N.

Về con chung: Chị và anh Phan Văn N có hai con chung tên là Phan Thành Đ, sinh ngày 16/02/2012 và Phan Hữu Ph, sinh ngày 3/7/2014.

Sau khi giải quyết ly hôn, chị có nguyện vọng giao hai con cho anh Phan Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lương Thị B.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Phan Thành Đ, sinh ngày 16/02/2012 và cháu Phan Hữu Ph,

sinh ngày 3/7/2014 cho anh Phan Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lương Thị B (là nguyên đơn) có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Anh Phan Văn N (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Phan Văn N và chị Lương Thị B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị B khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy đăng ký kết hôn số 85, ký ngày 09/12/2013. Lời khai của chị Lương Thị B phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 02). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị B và anh Phan Văn N là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn chị Lương Thị B: Theo lời khai của chị Lương Thị B thì cuộc sống hôn nhân của chị và anh Phan Văn N không hạnh phúc. Anh Phan Văn N không chí thú làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, nhiều lần chửi bới và có hành vi bạo lực đối với chị Phan Văn N. Đến năm 2021 chị Lương Thị B sống ly thân với anh Phan Văn N. Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 22/12/2021 (bút lục số 18) người làm chứng xác nhận quá trình chung sống bà thấy hai vợ chồng anh Phan Văn N, chị Lương Thị B thường xuyên xảy ra cãi vã và tháng 5 năm 2021 chị Lương Thị B về nhà bố mẹ sống cho đến nay. Như vậy, có đủ căn cứ xác định giữa chị Lương

Thị B và anh Phan Văn N có mâu thuẫn. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; Cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Như vậy, anh Phan Văn N đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị B.

[4] Về con chung: Chị Lương Thị B khai nhận vợ chồng có 02 con chung tên là cháu Phan Thành Đ, sinh ngày 16/02/2012 và cháu Phan Hữu Ph, sinh ngày 3/7/2014. Lời khai của chị Lương Thị B phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp. Chị Lương Thị B có nguyện vọng giao hai cháu cho anh Phan Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét, chị Lương Thị B thừa nhận trong thời gian ly thân chị không có lui tới, thăm nom con chung. Lời khai của chị Lương Thị B phù hợp với lời khai của người làm chứng (bút lục số 18). Như vậy, căn cứ vào Điều 69 và Điều 71 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chị Lương Thị B không thực hiện quyền, nghĩa vụ của người mẹ. Bản thân chị Lương Thị B thừa nhận chị không có đủ điều kiện nuôi dưỡng con. Bên cạnh đó, trong thời gian ly thân anh Phan Văn N là người nuôi dưỡng hai con phát triển đầy đủ và hai cháu đều có nguyện vọng được anh Phan Văn N trực tiếp chăm sóc. Do đó, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Phan Thành Đ và cháu Phan Hữu Ph theo quy định vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao cháu Phan Thành Đ và cháu Phan Hữu Ph cho anh Phan Văn N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Văn N, chị Lương Thị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Phan Văn N, chị Lương Thị B không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Phan Văn N, chị Lương Thị B không yêu cầu giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Văn N vắng mặt không tham gia tố tụng và không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ coi như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Lương Thị B phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị B. Chị Lương Thị B được ly hôn với anh Phan Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Khánh Đ, sinh ngày 16/02/2012 và cháu Phan Hữu Ph, sinh ngày 03/7/2014 cho anh Phan Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Lương Thị B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Văn N, chị Lương Thị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Anh Phan Văn N, chị Lương Thị B không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Anh Phan Văn N, chị Lương Thị B không yêu cầu giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Lương Thị B phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã

nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000129 ký ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

7. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh